

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 1445/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 20 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường
không khí tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 985a/QĐ-TTg 01/6/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;

Căn cứ các Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn kỹ thuật xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh; số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải từ nguồn điểm, nguồn diện và nguồn di động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2698/TTr- SNNMT.BVMT ngày 15/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó Chủ tịch (TN) UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN(V), TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030
(kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

I. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ CỦA TỈNH NGHỆ AN

Đến năm 2024, tỉnh Nghệ An đã tiến hành quan trắc định kỳ các thông số ô nhiễm không khí theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí với độ phủ lớn về không gian; độ phủ thời gian lớn nhất là 06 đợt/năm với các thông số tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO được lấy 01 lần/ngày/đợt. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 01 trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục với các thông số NO, NO_x, NO₂, SO₂, CO, Tổng bụi lơ lửng (TSP), bụi PM_{2.5}, bụi PM₁₀ và đã đưa vào vận hành từ năm 2020.

Chất lượng môi trường không khí được đánh giá dựa vào kết quả của 652 mẫu quan trắc từ Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Nghệ An trong thời gian từ 2021-2024, 104 mẫu quan trắc thực hiện trong quá trình xây dựng Kế hoạch (tháng 4/2023) và dữ liệu quan trắc môi trường không khí của 01 trạm quan trắc môi trường không khí tự động. So sánh kết quả quan trắc với QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ) cho thấy:

- Đối với các khí SO₂, CO, NO₂: chưa thấy xuất hiện ô nhiễm không khí do SO₂, CO, NO₂ tại tất cả các điểm quan trắc. Nồng độ các khí không có sự chênh lệch giữa các đối tượng giám sát và thấp hơn nhiều so với quy chuẩn cho phép.

- Đối với TSP: tại khu vực các khu đô thị có giá trị bụi cao hơn tại các khu du lịch, ngoại vi các khu công nghiệp (KCN), nhà máy và ngoại vi các nhà máy xử lý rác thải. Tuy nhiên, hầu hết các điểm đo trên địa bàn tỉnh nồng độ bụi đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Có 7/652 mẫu quan trắc¹ (chiếm 1,07%) có nồng độ bụi vượt quy chuẩn cho phép từ 1,03-1,32 lần, mức vượt này là không đáng kể, chỉ mang tính thời điểm và không diễn ra thường xuyên giữa các đợt quan trắc.

Như vậy, hiện trạng chất lượng môi trường không khí tỉnh Nghệ An giai

¹ Mẫu không khí lấy tại ngã tư bến xe huyện Con Cuông, thị trấn Con Cuông có kết quả vượt quy chuẩn 1,32 lần; mẫu không khí lấy tại cổng chợ Cầu Giát, thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu và mẫu không khí lấy tại cổng chợ Trung tâm, thị trấn Dũng, huyện Thanh Chương (chợ Cây Đa) vượt 1,04 lần; mẫu không khí lấy tại khu vực gần chợ Kim Sơn, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong vượt quy chuẩn 1,03 lần; mẫu không khí lấy tại nút giao thông vòng xuyên xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên vượt 1,1 lần; mẫu không khí lấy tại bãi chôn lấp rác xã Bồng Khê, huyện Con Cuông vượt 1,44 lần; mẫu không khí lấy tại khu dân cư, gần trụ sở UBND xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ vượt 1,13 lần.

đoạn 2021-2024 cơ bản duy trì ở mức tốt, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

2.1. Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

2.1.1. Thể chế, chính sách, các giải pháp về quản lý chất lượng không khí

2.1.1.1. Thể chế chính sách về quản lý chất lượng môi trường không khí

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo xây dựng và ban hành đồng bộ nhiều văn bản chỉ đạo, cơ chế, chính sách quan trọng nhằm định hướng, tăng cường công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác quản lý chất lượng không khí nói riêng, cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 02/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2030 và Kế hoạch số 509/KH-UBND ngày 14/7/2022 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 02/3/2022.

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An và được UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 623/KH-UBND ngày 24/8/2023 thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/7/2023.

- Kế hoạch số 415/KH-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê tan của ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Quá trình triển khai thực hiện các văn bản trên đã đạt được những kết quả đáng kể, góp phần tích cực đưa công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường vào nề nếp và đạt hiệu quả cao. Các văn bản được ban hành theo thẩm quyền đều bám sát chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp; phát huy nguồn lực tài nguyên và môi trường cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung.

2.1.1.2. Các giải pháp quản lý chất lượng không khí

Trong thời gian qua, các ngành, lĩnh vực cũng đã triển khai những giải pháp quản lý cụ thể, đem lại nhiều kết quả tích cực trong kiểm soát và bảo vệ môi trường không khí, cụ thể như:

- Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình quan trắc chất lượng không khí của địa phương:

+ Đối với quan trắc định kỳ, đã thường xuyên tổ chức các chương trình quan trắc chất lượng không khí định kỳ trên địa bàn với 23 vị trí quan trắc môi trường không khí với tần suất 6 đợt/năm với các thông số: tổng bụi lơ lửng, SO_2 , NO_2 , CO được lấy 01 lần/ngày/đợt theo chương trình quan trắc được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 22/12/2021;

+ Đối với quan trắc tự động, liên tục, UBND tỉnh đã bố trí nguồn lực đầu tư, lắp đặt 01 trạm quan trắc chất lượng không khí xung quanh, cùng với đó các doanh nghiệp có nguồn thải lớn lắp đặt 06 trạm quan trắc tự động, liên tục khí thải và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định để kiểm soát chất lượng môi trường không khí. Dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục được truyền về Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) theo thời gian thực để phục vụ công tác quản lý nhà nước, đồng thời công khai số liệu tại các cổng thông tin điện tử của trung ương và địa phương để người dân biết, giám sát.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển hệ thống giao thông công cộng; tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm loại bỏ các phương tiện cơ giới không đủ điều kiện lưu hành; khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng, giảm phương tiện cá nhân.

- Thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc kéo dài gây ô nhiễm môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh (che chắn công trình, che chắn phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng; phun nước, rửa đường, rửa xe ra - vào công trình...).

- Đôn đốc, giám sát các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thực hiện các biện pháp kiểm soát các nguồn phát thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp; chú trọng đầu tư công nghệ xử lý khí thải, sử dụng công nghệ phù hợp với từng loại hình sản xuất, khuyến khích các cơ sở sản xuất thay thế các loại máy móc, dây chuyền công nghệ lạc hậu bằng dây chuyền công nghệ hiện đại ít gây ô nhiễm môi trường...

- Tăng cường xử lý các cơ sở, hoạt động gây ô nhiễm không khí trên địa bàn; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề xuất các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.1.2. Hiệu quả của các giải pháp quản lý chất lượng không khí đang được thực hiện

Trong thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường không khí tỉnh Nghệ An được đẩy mạnh và chú trọng hơn. Hệ thống văn bản chỉ đạo về bảo vệ môi trường không khí đã và đang tiếp tục được hoàn thiện. Các ngành, lĩnh vực cũng đã triển khai những giải pháp cụ thể, đem lại nhiều kết quả tích cực trong kiểm soát và bảo

vệ môi trường không khí, cụ thể như:

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững đất nước; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường.

- Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở cơ bản đã được kiện toàn và tăng cường năng lực: tại cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường (nay là phòng Nông nghiệp và Môi trường) bố trí từ 1 đến 2 cán bộ làm công tác môi trường; tại cấp xã đã bố trí cán bộ địa chính, cán bộ y tế hoặc cán bộ văn hóa làm kiêm nhiệm công tác bảo vệ môi trường; tại các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh cũng đã bố trí nhân sự chuyên trách để thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở. Các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường của các địa phương đã thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường gắn với công tác chỉnh trang đô thị, xây dựng khu dân cư kiểu mẫu; nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân; hướng dẫn các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình hoàn thiện hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường. Đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý và bảo vệ môi trường giàu nhiệt huyết, có tinh thần trách nhiệm và trình độ chuyên môn; thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ.

- Sự phối hợp, hỗ trợ giữa các Sở, Ban, ngành và các địa phương trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các cấp ngày càng chặt chẽ. Khối mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội thực sự quan tâm, hỗ trợ, tích cực tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, cộng đồng thực thi các chính sách pháp luật, tham gia hưởng ứng các kế hoạch, phong trào và mô hình về bảo vệ môi trường.

- Hệ thống quan trắc môi trường, giám sát chất lượng môi trường không khí ngày một hoàn thiện, năng lực giám sát, ngăn ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường được nâng cao, cơ bản kịp thời cảnh báo, phát hiện và xử lý các vấn đề gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

- Nguồn lực tài chính ổn định, nguồn ngân sách chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường luôn được quan tâm chú trọng, phân bổ đúng mức, trọng tâm, trọng điểm đáp ứng kịp thời các dự án, chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường của các ngành, các địa phương.

- Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định ở mức tốt, không có dấu hiệu ô nhiễm và suy giảm.

2.1.3. Các vấn đề bất cập, tồn tại trong công tác quản lý chất lượng không khí

- Luật Bảo vệ môi trường và hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành gắn với nhiều quy phạm mới, đòi hỏi tiếp cận cao, đa ngành, đa lĩnh vực nên việc tổ chức triển khai tại cơ sở cấp huyện, cấp xã gặp nhiều khó khăn. Tại một số thời điểm, công tác quản lý môi trường địa phương còn lúng túng, bị động vì một số văn bản quy phạm pháp luật về môi trường ban hành còn chậm, thiếu các quy định

cụ thể để hướng dẫn xử lý gây khó khăn cho các cơ sở và phòng ban chức năng trong việc thực thi các chính sách pháp luật trong lĩnh vực môi trường.

- Nguồn lực để quản lý chất lượng môi trường không khí còn nhiều hạn chế, chưa cung cấp dữ liệu liên tục để dự báo, cảnh báo những nguy cơ liên quan đến sự xuất hiện các chất độc hại trong không khí. Chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí định kỳ chưa thực hiện quan trắc đối với các thông số O_3 , PM_{10} , $PM_{2.5}$, không đủ dữ liệu để đánh giá chất lượng môi trường không khí theo chỉ số chất lượng không khí (VN_AQI). Mạng lưới hệ thống quan trắc không khí tự động, liên tục còn mỏng (trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 trạm quan trắc), hệ thống trung tâm điều khiển môi trường tự động chưa được đầu tư lắp đặt hạ tầng kỹ thuật đáp ứng khả năng tiếp nhận và lưu trữ, truyền tải theo nhu cầu của thực tiễn.

- Cán bộ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn thiếu, chưa đáp ứng tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu quản lý trên thực tế, đặc biệt là cán bộ ở cấp xã còn hoạt động kiêm nhiệm, thiếu kiến thức và kỹ năng quản lý môi trường nói chung và công tác quản lý môi trường không khí nói riêng.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác quản lý chất lượng môi trường không khí, quản lý môi trường, thiên tai và biến đổi khí hậu còn rời rạc, chưa được đồng bộ, chưa được mã hóa thông tin nên việc khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu còn hạn chế, dẫn đến công tác quản lý chưa được chủ động, chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh phát triển kinh tế.

- Ý thức của người dân, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường không khí còn chưa cao; vẫn còn tình trạng xả rác bừa bãi và đốt rác thải không đúng quy định. Các chính sách tuyên truyền về pháp luật về bảo vệ môi trường không khí còn nặng tính hình thức, chưa tạo ra các chuyển biến rõ rệt trong nhận thức của doanh nghiệp và cộng đồng...; chưa huy động được nhiều sự tham gia của các đơn vị sản xuất kinh doanh, của cộng đồng và toàn xã hội trong việc tham gia xã hội hóa các dự án về bảo vệ môi trường.

Những bất cập, tồn tại này nếu không được khắc phục sẽ là nguyên nhân khiến cho chất lượng môi trường không khí tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới bị suy giảm khi sự phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, đô thị hóa, nhanh và mạnh mẽ.

2.2. Hiện trạng quan trắc chất lượng môi trường không khí

2.2.1. Các chương trình, hệ thống quan trắc, các thông số được quan trắc, tần suất quan trắc

2.2.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình Quan trắc môi trường tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2022-2025, chương trình quan trắc định kỳ được thực hiện 06 đợt vào các tháng 1, 3, 5, 7, 9 và tháng 11, trong đó môi trường không khí gồm 23 điểm (6-8 thông số/điểm).

- Thông số quan trắc:

+ Đối với khu vực ngoại vi các khu du lịch, KCN, cụm công nghiệp (CCN) và khu vực nút giao thông và đô thị: hướng gió, bụi, SO_2 , CO , NO_2 , tiếng ồn;

+ Đối với các khu vực ngoại vi các bãi chôn lấp và xử lý chất thải rắn: hướng gió, bụi, SO_2 , CO , NO_2 , NH_3 , H_2S , tiếng ồn.

2.2.1.2. Hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục được lắp đặt và vận hành từ năm 2020.

- Vị trí: số 2, đường Yên Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Thông số quan trắc: nhiệt độ, độ ẩm, áp suất khí quyển, tốc độ gió, hướng gió, lượng mưa, bức xạ mặt trời, NO_x , NO_2 , NO , SO_2 , CO , bụi (TSP, PM_{10} , $\text{PM}_{2.5}$).

2.2.2. Các phương pháp, thiết bị quan trắc

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường được quan tâm đầu tư trang thiết bị đồng bộ phục vụ cho việc quan trắc, kiểm soát các nguồn thải lớn trên địa bàn. Đến nay, thiết bị, máy móc và con người của Trung tâm có đủ khả năng thực hiện quan trắc, phân tích hầu hết các thông số môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam, được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS-005).

2.3. Xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính

2.3.1. Các nguồn điểm

Trên cơ sở xác định các nguồn thải chính cần kiểm kê phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh với mục tiêu lựa chọn các cơ sở có phát thải khí thải có lưu lượng lớn cần phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, các cơ sở xử lý chất thải rắn và các cơ sở có phát sinh khí thải tại các KCN, CCN trên địa bàn với chiều cao ống khói $>10\text{m}$. Các nguồn điểm được xác định là các nguồn phát thải chính bao gồm: 05 nhà máy sản xuất xi măng, 04 nhà máy sản xuất gạch, 07 cơ sở y tế có lò đốt chất thải rắn y tế và 28 cơ sở có phát sinh khí thải lò hơi (có danh sách kèm theo tại phụ lục I).

2.3.2. Các nguồn di động

Nguồn di động được xác định là các nguồn phát thải chính trên địa bàn tỉnh là nguồn phát thải từ các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, bao gồm: xe máy, xe mô tô (2 bánh), ô tô con có số lượng chỗ ngồi < 9 , xe tải hạng nhẹ có tải trọng $< 3,5$ tấn, xe tải hạng nặng: có tải trọng $> 3,5$ tấn) và xe buýt/xe khách.

Theo số liệu điều tra, đếm lưu lượng xe tham gia giao thông trên các tuyến đường trên địa bàn tỉnh cho thấy: tỷ lệ xe máy tham gia giao thông chiếm 65%, xe ô tô chiếm 35% (xe ô tô con chiếm 27%, xe tải nhẹ 5%, xe tải nặng 2%, xe buýt/xe khách 1%). Như vậy, có thể thấy xe máy là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chính trên địa bàn tỉnh.

2.3.3. Các nguồn diện

Nguồn diện được xác định là các nguồn phát thải chính bao gồm: các bãi

chôn lấp rác, các khu vực khai thác khoáng sản, các công trình xây dựng dân dụng và hoạt động đun nấu dân dụng. Việc kiểm kê chi tiết đối với 12 bãi chôn lấp và xử lý rác thải, 26 cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản, 28 công trình xây dựng dân dụng và hoạt động đun nấu của 1.110 hộ gia đình và nhà hàng được xác định các nguồn thải mang tính đại diện, làm cơ sở đánh giá các nguồn thải diện trên địa bàn tỉnh trong quá trình xây dựng Kế hoạch.

2.3.4. Đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính

Kết quả kiểm kê cho các nguồn phát thải được tổng hợp trong bảng sau:

STT	Nguồn phát thải	Mức phát thải (tấn/năm)			
		PM/TSP	SO ₂	NO _x	CO
I	Nguồn điểm	11.468,36	7.775,4	9.245,24	41.266,26
1	Xi măng	1.614,64	1.027,60	7.807,56	727,99
2	Cơ sở Y tế	1.894,60	1.202,57	746,14	6.157,72
3	Khác	7.959,12	5.545,23	8.499,10	34.380,55
II	Nguồn di động (các phương tiện giao thông cơ giới đường)	11.843,90	3.596,65	75.256,52	669.542,43
III	Nguồn diện	50,11	2,05	126,30	8,91
1	Đun nấu sinh hoạt	0,19	0,17	0,23	4,08
2	Bãi rác	2,16	1,88	126,07	4,83
3	Khai thác khoáng sản	20,14			
4	Công trình xây dựng	27,61			
	TỔNG CỘNG	23.362,37	11.374,10	84.628,06	710.817,60

Kết quả kiểm kê phát thải các nguồn thải điểm, nguồn giao thông, nguồn diện cho thấy:

- Đối với bụi PM/TSP: nguồn điểm và nguồn di động có mức phát thải tương đương nhau (khoảng 49-51%), nguồn diện có mức phát thải rất nhỏ, chỉ hơn 0,2%.

- Đối với khí SO₂: nguồn phát thải lớn nhất là nguồn điểm chiếm tỷ lệ 68% (với lượng phát thải ước tính 7.775,4 tấn/năm); nguồn giao thông chiếm tỷ lệ 32% (với lượng phát thải ước tính 3.596,65 tấn/năm); nguồn diện chỉ chiếm tỷ lệ 0,02% (với lượng phát thải ước tính 2,05 tấn/năm);

- Đối với khí NO_x: nguồn giao thông là nguồn phát thải lớn nhất với lượng phát thải ước tính 75.256,52 tấn/năm (chiếm 89%), nguồn điểm chiếm 11% và nguồn diện chỉ chiếm 0,1%.

- Đối với khí CO: nguồn phát thải lớn nhất là nguồn giao thông chiếm tỷ lệ 94% (tương ứng 669.542,43 tấn/năm), nguồn điểm chiếm tỷ lệ 6%; nguồn diện chiếm tỷ lệ 0,001%.

Từ các kết quả kiểm kê phát thải có thể thấy các hoạt động công nghiệp, các nhà máy (nguồn điểm), các hoạt động giao thông là các vấn đề chính đối với công tác quản lý chất lượng môi trường không khí của tỉnh Nghệ An. Đối với nguồn thải diện, tuy chỉ chiếm phần nhỏ trong tổng lượng phát thải nhưng với đặc điểm nguồn thải phát tán tầm thấp và mang tính cục bộ nên đây cũng là một nguồn thải cần được lưu ý và kiểm soát.

2.4. Mô hình hóa chất lượng môi trường không khí

Từ kết quả kiểm kê khí thải năm 2023, sử dụng mô hình AERMOD² để tính toán khả năng lan truyền các chất ô nhiễm từ nguồn và đánh giá mức độ tác động của các nguồn thải đến môi trường không khí trên địa bàn tỉnh. Từ kết quả mô hình, có thể nhận thấy rằng các nguồn thải điểm, nguồn diện và nguồn giao thông tuy gây áp lực đến môi trường không khí nhưng ít có nguy cơ phát sinh tác động tiêu cực đáng kể. Phần lớn các khu vực thuộc thành phố Vinh cũng như các huyện, thị xã có chất lượng không khí ổn định, chỉ một số trung tâm hành chính, kinh tế chịu ảnh hưởng lớn hơn từ các chất ô nhiễm như TSP, SO₂, NO₂ và CO. Mặc dù tác động từ các nguồn thải trong tỉnh không lớn, ô nhiễm cục bộ vẫn có thể xảy ra tại một số khu vực dân cư đông đúc, cơ sở xử lý chất thải và khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, tình trạng cục bộ này chỉ xuất hiện với tần suất thấp, trong phạm vi hẹp, chủ yếu khi điều kiện thời tiết không thuận lợi cho quá trình khuếch tán khí thải, cụ thể như sau:

- Đối với TSP:

Tất cả các nguồn khí thải chính ở tỉnh Nghệ An đều có chứa TSP. So sánh kết quả mô phỏng ở thí nghiệm lan truyền từ các nguồn thải trung bình 1 giờ với QCVN 05:2023/BTNMT (nồng độ trung bình 1 giờ đối với TSP là 300µg/m³) cho thấy vị trí các khu vực bị ảnh hưởng từ các nguồn thải không đồng nhất, cho thấy mỗi nguồn thải đều có mức độ tác động khác nhau đến môi trường. Đối với nguồn điểm là các ống khói phạm vi lan truyền rộng nhưng mức độ tác động nhỏ do pha loãng. Nồng độ TSP (trung bình 1 giờ) lớn nhất từ các ống khói là 200-250µg/m³ ở khu vực huyện Tân Kỳ, đây là vị trí rất gần Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ, Nhà máy đường Sông Con và Nhà máy sản xuất gạch ngói công nghệ cao Bình An. Một số khu vực khai thác khoáng sản có mức độ tác động cao đến môi trường, đặc biệt là các mỏ đá gần trụ sở UBND xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp. Tại đây, trong phạm vi 500m từ khu mỏ, nồng độ TSP (trung bình 1 giờ) dao động từ 200-300µg/m³ và có thể vượt ngưỡng 300µg/m³ trong điều kiện khí hậu bất lợi nhất. Tại xã Thọ Hợp, huyện Quỳnh Hợp nồng độ TSP cũng khá cao, với mức đỉnh 300µg/m³ vào những giờ cực đoan. Nguồn phát sinh TSP từ hoạt động giao thông cũng là một yếu tố đáng chú ý, đặc biệt trong các khung giờ cao điểm. Tại các trung tâm kinh tế và giao thương trọng điểm như thành phố Vinh, nồng độ TSP dao động trong khoảng từ 100-300µg/m³; tại trung tâm thị xã Hoàng Mai, nồng độ

² AERMOD (U.S.EPA Leguratory Model) Mô hình khuếch tán trạng thái ổn định, được Cục Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ phát triển để ứng dụng mô phỏng diễn biến chất lượng không khí (được Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xem xét để lựa chọn áp dụng tại Công văn số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07/6/2021).

TSP dao động từ 100-250 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; khu vực huyện Quỳnh Hợp, tại tim tuyến đường 48A nồng độ TSP có thể lên đến 250-350 $\mu\text{g}/\text{m}^3$.

- Đối với các khí SO_2 và NO_2 :

Nguồn phát sinh chính của các SO_2 và NO_2 là từ các ống khói, bãi chôn lấp rác thải và phương tiện giao thông. So sánh kết quả mô phỏng ở thí nghiệm lan truyền từ các nguồn thải trung bình 1 giờ với QCVN 05:2023/BTNMT (nồng độ trung bình 1 giờ đối với SO_2 là 350 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, đối với NO_2 là 200 $\mu\text{g}/\text{m}^3$) cho thấy: nồng độ của SO_2 và NO_2 ở các bãi chôn lấp rác thải không quá lớn nhưng do phát sinh trên bề mặt trực tiếp khiến chất lượng môi trường không khí trong khuôn viên khu vực chôn lấp có dấu hiệu bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Một số bãi rác nằm sát chân núi, chắn hướng gió nên nồng độ SO_2 và NO_2 cao. Điển hình là tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, trong điều kiện phát thải cực đoạn kéo dài 1 giờ, trong phạm vi 500m nồng độ SO_2 có thể dao động từ 200-350 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, nồng độ NO_2 có thể dao động từ 150-200 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. Ngược lại, các bãi chôn lấp không bị ảnh hưởng bởi địa hình như tại bãi rác thị xã Thái Hòa, có nồng độ các khí thấp hơn đáng kể, với SO_2 dao động từ 180-300 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ và NO_2 từ 140-180 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. Trong khi đó, các ống khói có phạm vi lan truyền rộng hơn nhưng bị pha loãng mạnh, dẫn đến nồng độ trung bình 1 giờ của SO_2 và NO_2 như tại các KCN Nam Cẩm và Bắc Vinh đều dưới 10 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. Đối với tác động từ khí thải giao thông, nồng độ lớn nhất của SO_2 và NO_2 (trung bình 1 giờ) ở kịch bản cực đoạn tại trung tâm thành phố Vinh, nơi có áp lực giao thông lớn nhất, lần lượt là 200-250 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ và 170-220 $\mu\text{g}/\text{m}^3$.

- Đối với khí CO: nguồn phát sinh khí CO không lớn nên mức độ tác động của khí CO được dự báo là không đáng kể.

Mặc dù kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh tỉnh Nghệ An chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, tuy nhiên kết quả chạy mô hình trong kịch bản điều kiện khí hậu cực đoạn nhất cho thấy chất lượng môi trường không khí có khả năng bị ô nhiễm cục bộ: có khả năng xuất hiện ô nhiễm TSP tại một số điểm ở các trung tâm kinh tế, giao thương trọng điểm như thành phố Vinh, thị xã Hoàng Mai và tại các mỏ khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp; ô nhiễm khí SO_2 và NO_2 ở các bãi chôn lấp rác thải như tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc.

III. PHÂN TÍCH, NHẬN ĐỊNH NGUYÊN NHÂN GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Từ kết quả mô hình và tổng hợp nghiên cứu, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí ở Nghệ An bao gồm các nguồn thải tại chỗ và chất lượng không khí còn chịu ảnh hưởng bởi các điều kiện khí tượng (gây ra các mùa/thời điểm có ô nhiễm nghiêm trọng) và hầu như không bị ảnh hưởng bởi các nguồn thải từ các vùng lân cận, cụ thể như sau:

- Về các nguồn gây ô nhiễm không khí tại chỗ: các nguồn gây ô nhiễm không khí tại chỗ được xác nhận là khí thải phát sinh từ các ống khói công nghiệp; từ các phương tiện giao thông chủ yếu là xe máy, tiếp đến là xe con, xe tải và sau

cùng là xe buýt); từ các bãi chôn lấp rác thải; ô nhiễm TSP từ các mỏ khai thác khoáng sản, chủ yếu do gió cuốn bụi từ các khai trường và bãi thải.

- Đối với các nguồn phát thải ở các vùng lân cận, các nguồn lan truyền tầm xa: với vị trí tiếp giáp phía Đông là biển Đông và các phía Bắc, Nam, Tây có các dãy núi Rào Cỏ, Rú Thành, Pu Lai Leng có khả năng ngăn cản sự dịch chuyển của các khối không khí bên ngoài vào nên chất lượng môi trường không khí xung quanh của tỉnh hầu như không chịu tác động từ các nguồn phát thải ở các vùng lân cận, các nguồn lan truyền tầm xa.

- Về ảnh hưởng bởi các điều kiện khí tượng: khí hậu tỉnh Nghệ An có tính chất đa dạng, phân hóa theo mùa (có 4 mùa rõ rệt: xuân, hạ, thu, đông), theo không gian, nhiều thiên tai và tính chất thất thường về nhiệt độ, mưa, cực đoan khí hậu. Thời tiết bất thường đi kèm với sự gia tăng của các cơn bão và gió lốc không chỉ khiến công tác quản lý chất lượng môi trường khó khăn hơn mà các vấn đề ô nhiễm môi trường cũng trở nên phức tạp hơn do phạm vi lan truyền ô nhiễm rộng và kéo dài quá trình lắng đọng và đồng hoá chất ô nhiễm trong môi trường. Bên cạnh đó, nguy cơ ô nhiễm liên vùng, liên tỉnh từ Nghệ An đến các khu vực xung quanh hay ngược lại cũng diễn ra thường xuyên và khó kiểm soát. Trên cơ sở này, các biện pháp cảnh báo cộng đồng và ứng phó với ô nhiễm không khí nghiêm trọng để bảo vệ sức khỏe người dân là cần thiết và được ưu tiên.

IV. ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

4.1. Thông tin về số ca nhập viện, bệnh trạng liên quan đến ô nhiễm không khí

Ô nhiễm không khí có ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với đường hô hấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi môi trường không khí bị ô nhiễm, sức khỏe con người bị suy giảm, quá trình lão hoá trong cơ thể bị thúc đẩy, chức năng của phổi bị suy giảm; gây bệnh hen suyễn, ho, viêm mũi, viêm họng, viêm phế quản; suy nhược thần kinh, tim mạch và làm giảm tuổi thọ con người. Các nhóm cộng đồng nhạy cảm nhất với ô nhiễm không khí là những người cao tuổi, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 15 tuổi người đang mang bệnh, phổi và tim mạch, người thường xuyên phải làm việc ngoài trời. Mức độ ảnh hưởng đối với từng người tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe, nồng độ, loại chất ô nhiễm và thời gian tiếp xúc với môi trường ô nhiễm.

Theo số liệu điều tra năm 2023 tại 48 cơ sở y tế khám, chữa bệnh bao gồm các bệnh viện và trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh, có 901.259 trường hợp nhập viện điều trị bệnh trong đó có 253.495 trường hợp nhập viện liên quan đến hô hấp, tim mạch, da và mắt trong đó: bệnh hô hấp chiếm tỷ lệ cao nhất với 44,34%, bệnh tim mạch chiếm 11,55%, bệnh về da chiếm 18,9% và bệnh về mắt chiếm 25,2%.

4.2. Phân tích mối liên quan giữa ô nhiễm không khí và các bệnh có liên quan

- Sử dụng mô hình AirQ⁺ để đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe người dân tỉnh Nghệ An.

- Các thông số được sử dụng để tính toán ảnh hưởng đến sức khỏe khi phơi nhiễm bao gồm: PM_{10} (tính theo tỉ lệ TSP), SO_2 , NO_2 và không tính đến CO.

- Các kịch bản mô phỏng khuếch tán các điều kiện môi trường không khí ở điều kiện xấu nhất và tiêu cực nhất thường xét ở phân vị thứ 99 pct (trường hợp hiếm gặp với tỷ lệ 1%) khi tổng hợp kết quả tính toán.

Từ các phân tích và nhận định của các kịch bản mô phỏng, có thể nhận định được các tác động của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

- Tác động đến sức khỏe cộng đồng do phơi nhiễm PM_{10} :

Nồng độ PM_{10} trong không khí tại hầu hết các địa phương ở Nghệ An đều dưới ngưỡng $20\mu g/m^3$, thấp hơn nhiều so với quy chuẩn cho phép, do đó tác động đến sức khỏe cộng đồng là không đáng kể.

Tuy nhiên, tại huyện Anh Sơn có nồng độ PM_{10} trung bình cao nhất $20,02\mu g/m^3$ và huyện Quỳnh Lưu $18,55\mu g/m^3$ thì nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến phổi, tim mạch cao hơn gần 1,06 lần so với mức bình thường, tương đương tỷ lệ mắc bệnh 4,6% và 3,98% dân số tại hai huyện này.

Các kịch bản cắt giảm phát thải PM_{10} đề xuất đều cho thấy khả năng làm giảm rõ rệt số ca bệnh liên quan. Cụ thể, ở kịch bản cắt giảm $5\mu g/m^3$ thì trung bình toàn tỉnh có 3,22% dân số bị ảnh hưởng, tương đương 569.881 ca bệnh. Tại mức cắt giảm $10\mu g/m^3$ thì con số này giảm xuống còn 1,31% dân số, 230.987 ca bệnh. Nếu cắt giảm $15\mu g/m^3$ thì gần như không còn các ca bệnh có liên quan đến PM_{10} .

- Tác động đến sức khỏe cộng đồng do phơi nhiễm NO_2 :

Nồng độ NO_2 trong môi trường không khí trên địa bàn tỉnh dao động khá rộng. Chủ yếu ngưỡng thường gặp của NO_2 trong môi trường không khí là xung quanh $25\mu g/m^3$. Tuy nhiên ở thời gian cao điểm trong ngày và khi khí thải không khuếch tán thuận lợi thì nồng độ NO_2 trong môi trường có thể cao đến ngưỡng tác động tiêu cực. Ở mức nồng độ NO_2 cao nhất đã được ghi nhận, hầu hết các địa phương đều cao hơn ngưỡng gây ra tác động tiêu cực theo khuyến nghị WHO là $50\mu g/m^3$, cao nhất tại huyện Tân Kỳ là $86\mu g/m^3$.

Do đó, tỷ lệ người có khả năng mắc các bệnh liên quan đến hô hấp, tim mạch do phơi nhiễm NO_2 ở các địa phương trong kịch bản ô nhiễm lớn nhất cũng dao động ở mức từ 1,15-1,3 lần so với trường hợp không phơi nhiễm. Các địa phương có nguy cơ tương đối cao nhất là huyện Tân Kỳ (16,71%), huyện Nam Đàn (16,54%) và huyện Thanh Chương (16,54%).

Việc thực hiện các kịch bản cắt giảm phát thải NO_2 được đề xuất đều cho thấy khả năng làm giảm rõ rệt tỷ lệ người có khả năng mắc bệnh. Cụ thể, ở kịch bản cắt giảm $10\mu g/m^3$ thì tỷ lệ này giảm xuống còn 12,55%, tương đương 22.194 ca bệnh trên toàn tỉnh. Ở mức cắt giảm $20\mu g/m^3$ thì tỷ lệ bệnh nhân chỉ còn 8,97%, giảm gần 50% so với hiện trạng không cắt giảm.

- Tác động đến sức khỏe cộng đồng do phơi nhiễm SO_2 :

Nồng độ của SO_2 trong môi trường không khí chủ yếu thấp hơn ngưỡng cho phép, an toàn với môi trường và con người. Tuy nhiên một số thời điểm nồng độ SO_2 trong không khí khá cao, mức cao nhất tại các địa phương dao động từ $51,5\mu\text{g}/\text{m}^3$ (huyện Quỳnh Châu) đến $68\mu\text{g}/\text{m}^3$ (huyện Tân Kỳ), trong ngưỡng quy định của QCVN 05:2023/BTNMT nhưng vẫn cao hơn ngưỡng gây ra ảnh hưởng sức khỏe theo WHO là $20\mu\text{g}/\text{m}^3$.

Mức phơi nhiễm SO_2 ở nồng độ lớn nhất vẫn làm tăng tỷ lệ người có khả năng mắc bệnh từ 1,04-1,1 lần so với trường hợp không phơi nhiễm, tương đương tỷ lệ mắc bệnh dao động từ 2,04% (huyện Tương Dương) đến 3,38% (huyện Tân Kỳ) dân số các địa phương.

Các kịch bản cắt giảm phát thải SO_2 được đề xuất đều giúp làm giảm được số ca bệnh liên quan, tuy nhiên do tỷ lệ mắc bệnh hiện tại ở các địa phương không quá cao nên mức giảm không đáng kể. Cụ thể, với kịch bản cắt giảm $10\mu\text{g}/\text{m}^3$ thì số ca bệnh trên toàn tỉnh giảm từ 5.396 (3,05%) xuống còn 4.249 ca (2,48%).

Như vậy, tác động hiện tại của chất lượng môi trường không khí đến sức khỏe người dân còn thấp và tương đối an toàn nhưng vẫn cần có kế hoạch quản lý dài hạn. Việc thực hiện các giải pháp cắt giảm phát thải đề xuất rõ ràng sẽ giúp làm giảm đáng kể nguy cơ mắc bệnh của người dân. Đây là cơ sở quan trọng cho việc đề xuất, lựa chọn các biện pháp quản lý, kiểm soát ô nhiễm không khí phù hợp, hiệu quả cho địa phương.

V. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

5.1. Mục tiêu của quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030

5.1.1. Mục tiêu tổng quát

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh thông qua kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát sinh khí thải; tăng cường giám sát chất lượng không khí xung quanh; tăng cường công tác dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường không khí nhằm cải thiện chất lượng môi trường không khí và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần vào việc hoạch định chính sách, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự phát triển bền vững của tỉnh, phấn đấu đưa tỉnh Nghệ An trở thành địa phương có chỉ số chất lượng môi trường không khí luôn đạt mức tốt.

- Giảm thiểu tối đa tình trạng chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (không do sự cố môi trường) trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 10 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.1.2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ trên kết quả đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí, mục tiêu quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030 được xác định như sau:

- Kiểm soát, duy trì chất lượng môi trường không khí đối với các thông số

CO, SO₂, NO₂ bằng mức phát thải hiện tại.

- Giảm nồng độ bụi TSP tại các khu vực thương mại thuộc địa bàn các đô thị mật độ dân cư đông đúc và tập trung nhiều phương tiện giao thông và duy trì dưới mức cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

- Giám sát các thông số bụi PM₁₀ và PM_{2.5} trong môi trường không khí, đảm bảo dưới mức cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

- Kiểm soát tốt các nguồn điểm: 100% cơ sở sản xuất công nghiệp kiểm soát, xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; 100% cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục phải thực hiện đầu tư, lắp đặt trước khi đi vào hoạt động; không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng;

- Kiểm soát tốt nguồn di động: loại bỏ và nghiêm cấm 100% các phương tiện xe cơ giới không đủ điều kiện tham gia giao thông; khuyến khích các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Kiểm soát tốt nguồn diện: 100% khu vực khai thác khoáng sản phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác; kiểm soát tốt các hoạt động đốt rác của cá nhân, tổ chức không đúng nơi quy định theo địa bàn; kiểm soát tốt các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và các khu vực trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Tăng cường công tác giám sát chất lượng không khí xung quanh, các nguồn khí thải lớn thông qua việc đầu tư lắp đặt hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng khả năng tiếp nhận và lưu trữ, truyền tải theo nhu cầu của thực tiễn; tiếp tục đầu tư trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục tại trụ sở UBND thị xã Hoàng Mai theo Đề án “nâng cao năng lực cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An” được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1369/QĐ-UBND ngày 04/4/2017; nâng cao năng lực về cơ sở vật chất để thực hiện quan trắc các thông số O₃, PM₁₀, PM_{2.5} trong Chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí định kỳ của tỉnh.

- Đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh (bao gồm trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng).

5.2. Phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí: trên địa bàn toàn tỉnh Nghệ An.

VI. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Trên cơ sở phân tích đánh giá chi phí – hiệu quả các giải pháp quản lý chất lượng môi trường tỉnh Nghệ An cho thấy, kịch bản giảm thiểu tổng hợp và tối ưu năng lượng công nghiệp khai khoáng được đánh giá là có hiệu quả cao nhất về mặt giảm phát thải và lợi ích kinh tế nhưng cũng đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn, chi phí trung bình để giảm phát thải 1 tấn CO₂e là 150,31 USD và 69,09 USD, khả năng triển khai để đảm bảo hiệu quả bền vững trong dài hạn là khó thực hiện.

Xem xét tính phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, hiện trạng chất lượng môi trường không khí tỉnh Nghệ An, tính phù hợp về mục tiêu và Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030 thì việc kết hợp và lồng ghép các giải pháp tối ưu chi phí với các kịch bản chính cũng là một cách tiếp cận khả thi để nâng cao hiệu quả giảm phát thải và ô nhiễm, đồng thời giảm thiểu áp lực. Các nhiệm vụ và giải pháp được ưu tiên thực hiện cụ thể như sau:

6.1. Nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn điểm

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, gạch ngói, cơ sở y tế có lò đốt chất thải rắn y tế, lò đốt rác sinh hoạt và các cơ sở công nghiệp khác có phát sinh bụi, khí thải đang sử dụng các trang thiết bị có hiệu suất thấp, công nghệ lạc hậu có kế hoạch thực hiện đầu tư, đổi mới cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có nguồn khí thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ đầu tư lắp đặt và vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục; giám sát các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định. Xử lý nghiêm, yêu cầu dừng, chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở phát sinh khí thải vượt quy chuẩn, tái phạm nhiều lần.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có sử dụng các lò hơi chuyển đổi nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng nhiên liệu tái tạo, nhiên liệu sạch.

- Khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất, nâng cao năng lực, trình độ công nghệ quản trị; áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; phát triển, ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường.

6.2. Nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn di động

- Kiểm soát phát thải khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông.

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung bố trí nguồn lực, nâng cao chất lượng công tác đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông gắn với duy tu, bảo đảm an toàn giao thông và khai thác có hiệu quả các công trình hạ tầng giao thông.

- Tăng cường xã hội hóa phát triển vận tải hành khách công cộng và dịch vụ hỗ trợ vận tải; mở các tuyến buýt kế cận từ trung tâm đô thị kết nối với địa phương xung quanh; lựa chọn xe buýt có sức chứa phù hợp với hạ tầng và nhu cầu đi lại; tổ

chức xe buýt kết nối với các hình thức vận tải khác trong địa bàn; sắp xếp hợp lý tuyến liên tỉnh, mở các tuyến chất lượng cao (xây dựng các tuyến vận tải khách theo tuyến cao tốc); khuyến khích sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân.

- Khuyến khích người dân sử dụng xe xanh – phương tiện cá nhân thân thiện với môi trường (xe đạp, xe điện hỗn hợp, xe điện sạc điện, xe sử dụng năng lượng tái tạo...) thay thế các loại xe sử dụng động cơ đốt trong truyền thống, xe chạy bằng xăng hay dầu diesel và các nhiên liệu hóa thạch để giảm bớt ô nhiễm môi trường do khí thải.

6.3. Nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn điện

- Các cơ sở khai thác mỏ hiện đại hóa công nghệ khai thác, chú trọng công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; thực hiện xanh hóa môi trường khu vực khai khoáng, thiết lập các vành đai cây xanh, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của hoạt động khai khoáng, sản xuất kinh doanh đến người dân, môi trường, cảnh quan du lịch, khu đô thị xung quanh khu vực khai thác khoáng sản tại các huyện Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Hợp, huyện Tương Dương, huyện Tân Kỳ, thị xã Hoàng Mai...

- Đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản phân tán nhỏ lẻ (cát, sét, sỏi, đá...): thực hiện đúng Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030 định hướng đến 2050.

- Đối với việc thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt: thực hiện đúng Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Xây dựng mô hình đô thị sinh thái thông minh ven biển tại các khu đô thị ven biển quy hoạch xây dựng mới trên địa bàn toàn tỉnh, bảo đảm tỷ lệ đất cây xanh toàn đô thị bằng hoặc vượt chuẩn theo tiêu chí phân loại đô thị.

- Thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nằm xen kẽ trong các khu dân cư vào KCN, CCN; loại bỏ các CCN không phù hợp ra khỏi Phương án phát triển CCN giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghiêm các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh khi thực hiện thi công các công trình xây dựng, giao thông, cơ sở khai thác đá, khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng... Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải bụi phát sinh từ vận chuyển nguyên vật liệu rời, đặc biệt là vận chuyển về ban đêm.

6.4. Các nhóm nhiệm vụ và giải pháp khác

6.4.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về quản lý chất lượng môi trường không khí

- Định kỳ rà soát, cập nhật Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí 5 năm một lần hoặc theo kỳ xây dựng, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế

xã hội của tỉnh.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu sạch, đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn để giảm thiểu phát thải khí thải.

- Xây dựng quy định và hướng dẫn về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí; lồng ghép nội dung phối hợp, quản lý chất lượng môi trường không khí vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch số 509/KH-UBND ngày 14/7/2022.

- Tổ chức thực hiện thẩm định, thông báo phí bảo vệ môi trường đối với khí thải trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6.4.2. Hoàn thiện cơ chế tài chính, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực quản lý chất lượng môi trường không khí

- Tăng cường nguồn ngân sách cho các cơ quan quản lý nhà nước để đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở dữ liệu về khí thải và chất lượng môi trường không khí, các công cụ, mô hình dự báo lan truyền khí thải trong môi trường không khí.

- Phát huy hiệu quả của Quỹ bảo vệ môi trường trong công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế (tài chính, kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ,...) thông qua hợp tác song phương và đa phương cho quản lý chất lượng môi trường không khí.

6.4.3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm

- Tăng cường quản lý, kiểm soát các nguồn thải; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí, công khai thông tin về hành vi gây ô nhiễm môi trường, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hạn chế tối đa việc phát sinh các điểm nóng, các vụ việc gây ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng đối với việc giám sát khí thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, năng lượng, giao thông, xây dựng và các nguồn khí thải khác.

- Rà soát, nghiên cứu lắp đặt bổ sung các trạm quan trắc tự động, liên tục tại các khu vực đông dân cư, khu du lịch, một số KCN có nguy cơ tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh; Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ hàng năm để theo dõi liên tục, đảm bảo cho việc quan trắc, thu nhận, truyền dẫn số liệu theo dõi thường xuyên diễn biến chất lượng môi trường, dự báo được chất lượng môi trường không khí, kịp thời cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo, dự báo lan truyền chất ô nhiễm môi trường không khí, môi trường không khí xung quanh tại các đô thị, các khu vực tập trung nhiều nguồn thải. Tăng cường công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí xung quanh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6.4.4. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao năng lực, nhận thức về quản lý chất lượng môi trường không khí

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn thực hiện công tác quản lý kỹ thuật đối với các phương tiện vận tải nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình khai thác; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về việc sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm, hiệu quả và công nghệ thân thiện với môi trường.

- Tuyên truyền, vận động, có chính sách hỗ trợ các hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ hạn chế, tiến tới không sử dụng than, than tổ ong gây ô nhiễm môi trường trong sinh hoạt; xử lý nghiêm các trường hợp đốt chất thải không đúng quy định, gây ô nhiễm môi trường;

- Tuyên truyền, vận động người dân không đốt rác, rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch, xử lý thực bì sau thu hoạch rừng trồng; hướng dẫn việc thu gom, xử lý, chế biến rơm rạ, phụ phẩm nông lâm nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích.

- Tăng cường công tác đào tạo lại, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng, trình độ cho nhân lực từ cấp tỉnh đến cấp xã về công tác quản lý môi trường không khí.

- Thực hiện những chương trình tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường không khí nói riêng.

- Khuyến khích các trường học xây dựng và sớm đưa nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường không khí vào chương trình đào tạo và giảng dạy ngoại khóa.

6.4.5. Hợp tác quốc tế, liên vùng, liên tỉnh

- Xây dựng cơ chế phối hợp, quy chế bảo vệ môi trường đối với các địa phương giáp ranh; lồng ghép các nội dung phối hợp, biện pháp quản lý chất lượng không khí, trao đổi thông tin, kiểm tra xử lý vi phạm đối với các đơn vị phát thải khí vượt quy chuẩn môi trường...

- Tăng cường nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm với tổ chức trong nước và quốc tế, các chuyên gia quản lý, bảo vệ môi trường không khí.

- Khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý, quan trắc khí thải, sử dụng hiệu quả nhiên liệu.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Lộ trình thực hiện của Kế hoạch quản lý chất lượng không khí

Các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030 cụ thể được thể hiện tại phụ lục ban hành kèm theo (*chi tiết trong Phụ lục II*).

7.2. Vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực và các cơ quan phối hợp thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí

7.2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và chính quyền địa phương liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh trước ngày 31/12 hàng năm. Đề xuất UBND tỉnh thực hiện tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; xây dựng, trình phê duyệt Kế hoạch quản lý môi trường không khí giai đoạn tiếp theo theo quy định.

- Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường; yêu cầu chủ các cơ sở phát sinh bụi, khí thải, thực hiện lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường.

- Tiếp tục triển khai Chương trình quan trắc chất lượng không khí của tỉnh; thực hiện rà soát, tham mưu điều chỉnh phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục đầu tư hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục tại các khu vực có nguy cơ xảy ra ô nhiễm môi trường không khí. Vận hành ổn định, hiệu quả Trung tâm điều hành và hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục đã được đầu tư; giám sát chặt chẽ các đối tượng phải lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí xung quanh trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là các khu vực được lắp đặt hệ thống quan trắc chất lượng không khí xung quanh tự động, liên tục. Chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường không khí phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách về quản lý chất lượng môi trường.

- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Nghệ An theo quy định.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện cải tạo phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản phân tán nhỏ lẻ (cát, sét, sỏi, đá...).

- Đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra các cơ sở: thực hiện kiểm kê khí thải nhà kính; lập và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hàng năm.

- Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở.

- Tăng cường thực hiện công tác quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm không khí trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Hướng dẫn thu gom, xử lý, chế biến phụ phẩm nông nghiệp thành các sản phẩm có ích, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn.
- Xây dựng, tham mưu triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch, đề án giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- Tăng cường hướng dẫn, kiểm soát ô nhiễm không khí đối với các hoạt động thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; ưu tiên kiểm soát khí thải phát sinh từ các hoạt động thu gom, xử lý chất từ hoạt động trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, thủy sản,...
- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.
- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.2. Sở Xây dựng

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý quy hoạch cây xanh, đầu tư phát triển cây xanh đô thị theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được duyệt và các quy chuẩn liên quan;
- Đơn đốc, chỉ đạo chính quyền địa phương thực hiện rà soát, đánh giá tình hình chấp hành pháp luật về kiểm soát bụi, khí thải của các hoạt động xây dựng trên địa bàn.
- Tăng cường kiểm tra các chủ dự án, đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường.
- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.
- Thường xuyên tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng.
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới đường bộ trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các phương tiện giao thông vận tải đáp ứng theo quy chuẩn quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao; tăng cường công tác quản lý, bảo trì để khai thác hiệu quả các công trình giao thông.
- Tiếp tục phối hợp với các Sở, Ban, ngành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 415/KH-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Nghệ An; tham mưu chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường, thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông phí cơ giới, thân thiện môi trường.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm và giảm phát thải trong hoạt động giao thông vận tải.

- Tăng cường kiểm tra các dự án công trình giao thông để chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; đánh giá tình hình chấp hành pháp luật về kiểm soát bụi, khí thải trong hoạt động giao thông thuộc phạm vi quản lý.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.3. Sở Công Thương

- Chủ trì tham mưu trong công tác quản lý nhà nước về quản lý năng lượng, nhiên liệu hướng đến mục tiêu giảm phát thải hoạt động công nghiệp và tiêu thụ năng lượng.

- Phối hợp, tham gia ý kiến các hồ sơ, thủ tục liên quan đến triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, trong đó có các thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan triển khai hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007 và Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, thực hiện đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, áp dụng thực hiện sản xuất sạch hơn trong sản xuất, kinh doanh.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các dự án sản xuất điện sinh khối, điện gió, điện mặt trời được phê duyệt tại Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì thực hiện thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, ưu tiên các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải; tăng cường chuyển giao công nghệ về

phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý, quan trắc khí thải, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và chính quyền địa phương thực hiện rà soát, đánh giá công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải tại các cơ sở sản xuất phát thải khí thải lớn (xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, xử lý rác thải quy mô liên huyện...).

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đa dạng các hoạt động, nội dung, hình thức tuyên truyền về quản lý chất lượng môi trường không khí đến các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông, phổ biến thông tin cho cộng đồng về ô nhiễm không khí và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.

7.2.5. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của các Sở, Ban, ngành và chính quyền địa phương, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí để thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc trách nhiệm đảm bảo ngân sách theo quy định hiện hành.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn cho các dự án xử lý ô nhiễm, nâng cao chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

7.2.6. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của các cơ sở phát thải ô nhiễm không khí trong khu kinh tế, các KCN; xử lý, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm.

- Yêu cầu, hướng dẫn các đơn vị sản xuất trong khu kinh tế, các KCN thực hiện triệt để việc thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo chất lượng khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải.

- Thực hiện quan trắc môi trường trên địa bàn khu kinh tế và các KCN, báo cáo số liệu quan trắc môi trường khu kinh tế, KCN theo quy định.

- Kêu gọi và thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.7. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan, xây dựng và thực hiện truyền thông, phổ biến thông tin cho cộng đồng về các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng liên quan môi trường không khí.
- Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động quản lý chất thải, xử lý chất thải y tế của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.
- Thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu ảnh hưởng ô nhiễm không khí tới sức khỏe; tuyên truyền phổ biến các hướng dẫn và cảnh báo các biện pháp bảo vệ sức khỏe trước tác động của ô nhiễm không khí, đưa ra các khuyến cáo để người dân ứng phó khi gặp tình trạng ô nhiễm không khí.
- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch;
- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường không khí đối với các cấp học theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.9. Công an tỉnh

- Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các hành vi gây ô nhiễm không khí trong các hoạt động sản xuất, trên các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.
- Tăng cường kiểm tra, thu hồi xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, xe tự không đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường.
- Thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc giao thông trong nội thị; tăng cường kiểm soát tải trọng xe vận tải.
- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.10. Chính quyền địa phương

- Chủ trì, triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường không khí tại địa phương.
- Giám sát các công trình xây dựng trên địa bàn thực hiện nghiêm các biện

pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh.

- Thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn thực hiện các biện pháp kiểm soát, xử lý khí thải. Xử lý, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm.

- Đầu tư, thực hiện xử lý dứt điểm các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Định kỳ vệ sinh các tuyến đường, tổng dọn vệ sinh tại các khu vực dân cư trên địa bàn; tổ chức và duy trì thường xuyên hoạt động phun nước rửa đường tại các trục, tuyến đường giao thông chính của các đô thị để hạn chế bụi phát tán, đặc biệt trong điều kiện thời tiết hanh khô, lặng gió

- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.11. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông về tác hại của ô nhiễm môi trường không khí, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường không khí; sự tham gia của cộng đồng đối với việc giám sát khí thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, giao thông, xây dựng và các nguồn khí thải khác.

- Chủ động, phát huy vai trò giám sát, phát hiện và phản ánh tới các cấp chính quyền để kịp thời xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường không khí, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường không khí.

7.2.12. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh

- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất; chủ động thực hiện nâng cao năng lực, cải tiến đổi mới quy trình công nghệ, đầu tư trang thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải đảm bảo không gây ô nhiễm không khí; thực hiện thường xuyên việc quan trắc, giám sát khí thải.

- Chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về các vấn đề môi trường không khí, quản lý chất lượng môi trường không khí trong khuôn viên dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố môi trường không khí nghiêm trọng.

- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.13. Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Bắc Trung Bộ

- Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm

trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.2.14. Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An

Thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp khẩn cấp do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7.3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước: Kế hoạch của cấp nào thì cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
- Nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.
- Nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
- Các cơ quan đơn vị được giao thực hiện Kế hoạch chủ động xây dựng khái toán kinh phí thực hiện Kế hoạch, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét quyết định làm cơ sở triển khai thực hiện.

7.4. Chế độ báo cáo

- Căn cứ nội dung Kế hoạch, các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện (trước ngày 30/11 hằng năm) qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; quá trình thực hiện có vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét và giải quyết theo thẩm quyền.
- UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo./.

Phụ lục I

CÁC ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN KIỂM KÊ ĐỐI VỚI NGUỒN ĐIỂM

*(kèm theo Quyết định số 4445 /QĐ-UBND ngày 20 / 5 /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất
1	Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai	Sản xuất xi măng
2	Nhà máy Hoa Sen Nghệ An - Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Nghệ An	Xã Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai	Sản xuất gang thép
3	Công ty TNHH Nhiên liệu và năng lượng tái tạo Thuận Phát	Xã Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai	Sản xuất nhiên liệu khí
4	Công ty CP Xi măng Tân Thắng	Xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu	Sản xuất xi măng
5	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ	Khám chữa bệnh
6	Nhà máy đường Sông Con - Công ty CP Mía đường Sông Con	Thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ	Sản xuất đường
7	Trung tâm y tế huyện Tương Dương	Thị trấn Thạch Giám, huyện Tương Dương	Khám chữa bệnh
8	Nhà máy xi măng Đô Lương - Công ty CP Xi măng sông Lam	Xã Bài Sơn, huyện Đô Lương	Sản xuất xi măng
9	Nhà máy may Kido Vinh - Công ty TNHH Kido Vinh	Xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương	Dệt may
10	Công ty CP May Minh Anh Đô Lương	Xã Quang Sơn, huyện Đô Lương	Dệt may
11	Nhà máy xi măng Sông Lam 2 – Công ty CP Xi măng Sông Lam 2	Xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn	Sản xuất xi măng
12	Công ty CP Mía đường Sông Lam	Xã Đinh Sơn, huyện Anh Sơn	Sản xuất đường
13	Trung tâm y tế huyện Quỳnh Hợp	Thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp	Khám chữa bệnh
14	Công ty TNHH mía đường Nghệ An (NASU)	Xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳnh Hợp	Sản xuất đường
15	Trung tâm y tế thị xã Cửa Lò	Phường Nghi Hương, thành phố Vinh	Khám chữa bệnh
16	Công ty TNHH Sangwoo Việt Nam	KCN VSIP, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên	May mặc
17	Công ty TNHH Innovative Manufacturing Solutions Vietnam	KCN VSIP, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên	Sản xuất linh kiện điện tử

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất
18	Công ty CP Giấy Sông Lam	Xã Hưng Thành, huyện Hưng Nguyên	Sản xuất giấy
19	Công ty CP Bia Sài Gòn Sông Lam	Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên	Sản xuất đồ uống
20	Trung tâm y tế huyện Kỳ Sơn	Xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn	Khám chữa bệnh
21	Nhà máy xi măng Nghi Thiết - Công ty CP Xi măng Sông Lam	Xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc	Sản xuất bê tông
22	Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Khu B KCN Nam Cẩm, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc	Sản xuất đồ uống
23	Công ty TNHH Royal Foods Nghệ An Việt Nam	Khu B KCN Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	Sản xuất, chế biến thực phẩm
24	Công ty TNHH May thời trang Perseption USA	Xã Diên Hoa, huyện Nghi Lộc	May mặc
25	Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	Khu C KCN Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	Sản xuất, chế biến thực phẩm
26	Công ty CP May Halotexco	Xã Phúc Thọ, thành phố Vinh	May mặc
27	Công ty CP BVN viên nén Thanh Chương	Xã Thanh Hương, huyện Nghi Lộc	Sản xuất viên gỗ nén
28	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star	Xã Hưng Đông, thành phố Vinh	Sản xuất, chế biến thực phẩm
29	Công ty TNHH Châu Tiến	Khu A KCN Nam Cẩm, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc	Chế biến bột đá
30	Công ty TNHH May mặc Nakano Việt Nam	KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc	May mặc
31	Nhà máy sản xuất gạch ngói công nghệ cao Bình An – Công ty TNHH Gạch ngói Tuynel Tân Kỳ	Xã Tân Long, huyện Tân Kỳ	Sản xuất gạch
32	Nhà máy tinh bột sắn Intimex - Công ty CP Nông thủy sản Nghệ An	Xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương	Sản xuất tinh bột
33	Nhà máy may TAAD Nghệ An - Công ty TNHH Sản xuất đầu tư và thương mại TAAD Việt Nam	Xã Thanh Khê, huyện Thanh Chương	Dệt may
34	Nhà máy dầu Vinh - Công ty CP Dầu thực vật Tường An	Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh	Sản xuất dầu thực vật

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất
35	Công ty CP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh	Sản xuất bao bì
36	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Xã Tăng Thành, huyện Yên Thành	Khám chữa bệnh
37	Nhà máy may xuất khẩu MLB Tenergy Company Limited – Công ty TNHH MLB Tenergy	Thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành	May mặc
38	Công ty CP Nam Thuận Nghệ An	Xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu	May mặc
39	Công ty TNHH Viet Glory	Xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu	May mặc
40	Trung tâm y tế huyện Quế Phong	Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong	Khám chữa bệnh
41	Công ty CP Vật liệu xây dựng và thương mại Thanh Ngọc	Xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương	Sản xuất gạch
42	Công ty CP Sản xuất gạch Rào Gang	Xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương	Sản xuất gạch
43	Nhà máy gạch BMC Nghệ An – Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên vật liệu xây dựng và xây lắp thương mại BMC	Xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	Sản xuất gạch
44	Công ty TNHH Frescol Tuna (Việt Nam)	Khu B KCN Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	Sản xuất, chế biến thực phẩm

Phụ lục II
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2026-2030
(kèm theo Quyết định số 1445 /QĐ-UBND ngày 20 / 5 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
I	Xây dựng, hoàn thiện văn bản hướng dẫn, quy định quản lý chất lượng môi trường không khí				
1	Tham mưu xây dựng chương trình quan trắc môi trường giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	-	Năm 2025	Quyết định ban hành chương trình quan trắc môi trường giai đoạn 2026-2030
2	Xây dựng, tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	Năm 2026	01 văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí
4	Lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó và khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí (nếu có) vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	Chính quyền địa phương	-	Hàng năm	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm
II	Nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể để quản lý chất lượng môi trường không khí đối với các nhóm nguồn phát thải				
II.1	Đối với các nguồn điểm				
1	Đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất, nâng cao năng lực, trình độ công nghệ quản trị; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001	Các cơ sở sản xuất kinh doanh	Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương	Đến năm 2030	Công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
2	Các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thực hiện các lắp đặt, vận hành các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đặc biệt là các cơ sở có phát sinh nguồn bụi, khí thải lớn, có nguy cơ cháy nổ cao	Các cơ sở sản xuất kinh doanh	Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương	Đến năm 2030	100% cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường
3	Giám sát thường xuyên theo dõi hoạt động của các lò đốt rác đang vận hành trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	2026-2030	-
II.2 Đối với các nguồn di động					
1	Hoàn thiện hạ tầng giao thông công cộng, phát triển hạ tầng giao thông phi cơ giới	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	2026-2030	-
2	Thúc đẩy doanh nghiệp vận tải bằng xe buýt, taxi có lộ trình chuyển đổi sang xe ô tô điện	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	2026-2030	-
3	Phối hợp triển khai phương án phát triển hệ thống trạm sạc điện, khuyến khích xây dựng trạm cấp năng lượng xanh cho phương tiện giao thông sử dụng điện trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan	2026-2030	-
II.3 Đối với các nguồn diện					
1	Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các đơn vị khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	Hàng năm	-

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
2	Tăng cường kiểm tra, xử lý theo phân cấp đối với các hoạt động đốt rác của cá nhân, tổ chức không đúng nơi quy định theo địa bàn	Chính quyền địa phương	Các Sở, Ban, ngành liên quan	2026-2030	-
3	Chỉ đạo, đôn đốc chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát công trình thi công để yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng có các biện pháp giảm thiểu bụi phù hợp, đúng tiêu chuẩn	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	2026-2030	-
III	Đầu tư thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục, môi trường không khí xung quanh, hệ thống cảnh báo ô nhiễm môi trường				
1	Rà soát, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục; tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo về chất lượng môi trường không khí	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	2026-2030	Đầu tư đồng bộ Trung tâm điều khiển tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường và trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động tại trụ sở UBND thị xã Hoàng Mai
2	Nâng cao năng lực cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: đầu tư trang thiết bị thực hiện quan trắc đối với các thông số O ₃ , PM ₁₀ và PM _{2.5}	Sở Nông nghiệp và Môi trường	-	2026-2027	Thiết bị thực hiện quan trắc đối với các thông số O ₃ , PM ₁₀ và PM _{2.5}
3	Đầu tư, lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục của các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định	Các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng phải lắp đặt	Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương	Đến năm 2030	Trạm/thiết bị quan trắc

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
IV	Các nhiệm vụ đánh giá, phòng ngừa ô nhiễm môi trường không khí				
1	Thực hiện việc kiểm kê khí thải (bao gồm kiểm kê bụi PM ₁₀ và PM _{2.5})	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	2027-2030	01 báo cáo kiểm kê khí thải
2	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	2026-2030	Đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính và đề xuất các giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
V	Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý môi trường không khí				
1	Tổ chức hội thảo, tập huấn lồng ghép các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng môi trường không khí và kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương	2026	01 Hội thảo tập huấn cho khoảng 500-600 người tham dự
2	Tuyên truyền, vận động hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ hạn chế, tiên tiến không sử dụng than, than tổ ong gây ô nhiễm môi trường trong sinh hoạt	Chính quyền địa phương	Các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh	Hàng năm	Lồng ghép nội dung kế hoạch công tác năm
3	Tuyên truyền, vận động chấm dứt việc đốt chất thải nông lâm sản tại chỗ trong quá trình sản xuất và sau mỗi vụ thu hoạch	Chính quyền địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm	Lồng ghép nội dung kế hoạch công tác năm